

## PHẨM DIỆT PHÁP TÂM THỨ 153

Hỏi: Ông trước nói diệt ba tâm gọi là Diệt-đế. Đã biết nhân-duyên diệt tâm giả-danh. Nay pháp-tâm là thế nào? Và tại sao phải diệt?

Đáp: Tâm cho thật ngũ-âm, gọi là pháp tâm. Khéo tu không trí thấy ngũ-âm trống không, thời diệt được pháp tâm này.

Hỏi: Hành-giả quán ngũ-âm không là trong ngũ-âm; vô thường pháp, định pháp, bất hoại pháp, bất biến pháp, ngã, ngã-sở-pháp. Vì không có pháp này nên nói là tu trống không, chứ chẳng phải thấy ngũ-âm?

Đáp: Hành-giả cũng chẳng thấy ngũ-âm. Tại vì sao? Vì kẻ hành-giả dứt tâm thời tâm hữu-vi, được tâm duyên vô-vi. Vậy nên hành-giả chẳng thấy ngũ-âm, mà chỉ thấy âm diệt. Lại nếu thấy ngũ-âm thời chẳng ngũ-âm, mà chỉ thấy âm diệt. Lại nếu thấy ngũ-âm thời chẳng gọi là không.. Vì âm chẳng không vậy, như vậy thời chẳng đầy đủ không trí.

Hỏi: Hành giả thấy sắc, vì vô-ngã nên không. Như trong kinh nói: “Hành giả thấy sắc này trống không, cho đến thức cũng trống không”. Phải biết chẳng phải không có sắc thấy các âm.

Đáp: Có nói như thế, nhưng chẳng phải thanh-tịnh. Như trong kinh pháp-án nói: Hành-giả thấy tướng sắc thấy pháp vô thường, bại-hoại luống-dối, nhàm lia”. Đây cũng gọi là trống không. Nhưng chưa phải là thanh-tịnh. Về sau người này thấy ngũ-âm diệt, là tu quán ấy mới tịnh. Nên biết thấy các âm diệt.

Hỏi: Vì trí-duyên hữu-vi, tại sao chẳng được như thanh tịnh?

Đáp: Hành-giả hoặc khi khởi tướng ngũ-âm, nên sinh lại tâm giả-danh. Vậy nên tâm duyên hữu-vi chẳng được thanh tịnh. Nếu chúng các âm diệt, thời ngũ-âm chẳng hiện tiền nữa. Vì thành-tựu diệt được nhân-duyên giả-danh vậy, nên tướng giả-danh chẳng theo ám-ảnh nữa. Thí như có cây, cưa chặt, đốt cháy, tro than đều tiêu hết; tướng cây mới diệt còn theo ám-ảnh nữa. Việc này cũng vậy. Lại Đức Phật bảo La-Đà: Người phá vỡ tan nát chúng-sanh, khiến chẳng còn hiện. Lại một kinh khác nói: “La-đà người phá vỡ tan nát sắc, cho đến thức, khiến chẳng còn hiện”. Nên biết nếu phá hoại chúng-sinh là giả-danh trống không. Nếu phá hoại sắc gọi là pháp không. Lại hai pháp quán, không quán; vô-ngã quán. Không quán là chẳng thấy giả-danh chúng-sinh, như người thấy bình vì không có nước nên trống không. Như vậy vì thấy trong ngũ-âm không có người nên trống không, như chẳng thấy pháp gọi là vô-ngã. Lại trong kinh nói: “Được vô-ngã-trí thời chính giải thoát”. Nên biết sắc tính diệt, thọ, tưởng, hành thức, tính diệt, gọi là vô-ngã. Vô-ngã tức là vô-tính.

Hỏi: Nếu vì vô-tính gọi vô-ngã ấy. Nay ngũ âm thật không có sao?

Đáp: Ngũ-âm thật không, vì thế-đế nên mới có. Tại vì sao? Vì Phật nói các hành thấy đều như huyễn, như hóa, vì thế-đế nên có. Vì thế-đế mà có là chẳng phải thật có vậy. Lại trong kinh nói đệ-nhất-nghĩa không. Nghĩa này vì đệ-nhất-nghĩa-đế nên mới trống không, chứ chẳng phải thế-đế mà không. Đệ-nhất-nghĩa là chỗ gọi sắc trống-không không gì hết, cho đến thức trống không, không gì hết. Vậy nên nếu người quán sắc thấy pháp trống-không, gọi là thấy đệ-nhất-nghĩa không?

Hỏi: Nếu ngũ-âm vì thế-đế nên có. Tại sao nói sắc thấy pháp là Chân đế?

Đáp: Vì chúng-sinh nên mới nói Có người đối với ngũ-âm sinh nghĩ tướng chân-thật. Vì đây nên nói ngũ-âm sinh vì đệ-nhất-nghĩa nên trống-không.

Hỏi: Trong kinh chẳng nói có nghiệp quả-báo. Chỉ tác-giả chẳng khá được sao?

Đáp: Đây bởi các pháp mà nói tác-giả chẳng khá được là nói giả-danh trống-không. Như trong kinh nói các pháp chỉ có giả-danh-tự. Giả-danh-tự ấy, chỗ gọi vô-minh, nhân-duyên các hành, cho đến lão-tử các Khổ, Tập, Diệt. Bởi lời này nên biết ngũ-âm cũng đệ-nhất-nghĩa nên không. Lại trong kinh Đại-không nói: “Như người nói đây lão-tử. Hoặc người nói thân tức là Thần. Hoặc nói thân khác, Thần khác. Những lời nói ấy khác mà nghĩa đồng. Nếu có những kiến-chấp này, chẳng phải đệ tử Ta, chẳng phải kẻ phạm-hạnh”. Nếu ngăn lão-tử kia, thời phá giả-danh, ngăn lão tử đây thời phá ngũ-âm. Lại nói sinh duyên lão-tử gọi là trung-đạo. phải biết đệ-nhất-nghĩa-đế nên nói không lão-tử; thế-đế nên nói sinh duyên lão-tử. Lại như tướng quá hơn bình thời đệ-nhất-nghĩa nên không sắc. Lại trong kinh nói: “Nếu pháp ấy là lừa gạt, tức là luống-dối; nếu pháp chẳng phải gạt tức gọi là thật”. Các pháp hữu-vi đều biến khác, nên đều gọi là gạt. Gạt nên luống-dối. Luống-dối nên chẳng phải chận-thật có. Như kệ nói:

Thê-gian luống-dối trời,  
Trạng như tướng quyết định  
Thật không thấy in có,  
Xem kỹ thời đều không.

Phải biết các âm cũng trống không. Lại thấy diệt để nên gọi là đặc Đạo. Nên biết Diệt là đệ-nhất-nghĩa có, chẳng phải các âm vậy. Nếu các âm thật có, hành giả cũng nên thấy mà được Đạo? Mà thật chẳng phải vậy. Nên biết ngũ-âm chẳng phải đệ-nhất-nghĩa có. Lại vì âm diệt thật, nên biết các âm chẳng phải thật; chẳng nên nói các âm là thật. Không âm cũng thật. Lại có bao nhiêu pháp bị thấy đều vì si vậy, như người mắt chẳng khá gạt được, thời chẳng thấy huyền. Như vậy nếu không ngu si thời chẳng thấy các âm. Vậy nên các âm chẳng phải đệ-nhất-nghĩa có. Lại trong kinh nói: “Tùy có ngã tức là động xứ”. Mà trong âm có ngã, như A-Nan nói: Nhân pháp thành ngã. Nghĩa là nhân sắc âm, cho đến thức âm. Lại các vị thượng-tọa Tỳ-kheo hỏi Sai-Ma-già: Người lấy sự gì làm ngã?

Đáp: Tôi chẳng nói sắc là ngã, chẳng nói lià sắc là ngã, cho đến thức cũng như vậy. Mà chỉ nói ngã mạn trong ngũ-âm chưa dứt.

Ý kinh này cho kẻ học nhân hoặc khi tâm niệm bị tán loạn cho mới khởi ngã mạn. Nếu nhiếp tâm niệm diệt ngũ-âm thời ngã-mạn diệt. Như hoa chẳng tức rễ cây nhánh lá là hoa, mà cũng chẳng rời các thứ ấy là hoa; như vậy chẳng phải sắc thấy là ngã, mà cũng chẳng rời sắc thấy là ngã. Như vậy nhân duyên diệt ngã thời ngã mạn chẳng khởi. Nên biết các âm cũng không. Lại hành giả nên diệt tất cả tướng để chứng vô tướng. Nếu thật có tướng, vì sao chẳng nghĩ nhớ? Chẳng phải như ngoại đạo khi lià nơi sắc, biết thật có sắc, nhưng chẳng nhớ nghĩ. Hành-giả cần thấy sắc thấy các âm diệt hết. Vì thấy diệt hết nên gọi là vào vô tướng. Nên biết sắc thấy chẳng phải đệ-nhất-nghĩa. Lại tùy có ngũ-âm thời có ngã-tâm. Phải biết không có ngũ-âm thời ngã-tâm diệt. Vậy nên các âm đều trống không. Lại trong kinh Thủy mật Phật nói: “Như người thấy cục bọt nước rồi xem xét cho kỹ biết đó chẳng phải chân-thật. Tỳ-kheo cũng vậy, nếu chính quán sắc-âm, tức biết dối gạt không bền không chắc là tướng hư hoại. Quán thọ như bong bóng nước; Tướng như dã mã; Hành như cây chuối; Thức như huyền hóa, cũng lại như vậy”. Năm dụ trên đây đều chỉ rõ nghĩa trống không. Tại vì sao? Vì mắt thấy cục bọt nước, khi tiêu hết là hoàn lại không. Bong bóng nước thấy cũng như vậy. Nên biết các âm chẳng chân thật có. Lại như đệ-tử Phật rất nhàm sinh tử đều bởi thấy các pháp xưa nay chẳng sinh, không có sở hữu vậy. Như thấy vô thường thời chỉ năng sinh bại hoại khổ tướng, như thế thấy vô tính, không còn tướng gì khác thời mới năng đầy đủ hành khổ. Đủ ba khổ này gọi là được giải thoát. Phải biết tất cả các pháp đều trống không. Lại không là cửa giải thoát. Không này chẳng phải chỉ chúng-sinh không, mà hữu pháp cũng không luôn. Như nói mắt khi sinh chẳng từ đâu mà đến; khi diệt không đến chỗ nào. Thời biết quá-khứ, vị-lai mắt trống không. Mắt hiện tại cũng do tứ-đại chia chẻ nên không. Như Phật nói mắt: Trong hình thị, có bao nhiêu cứng và nương cứng gọi là địa thấy. Nếu được không này thời nói không có gì hết. Lại nói: Tất cả các hành dứt gọi đoạn tính; lià gọi ly-tính; dứt gọi diệt tính. Nên biết tất cả các hành đều diệt. Nếu thật có các thời không có Chính, Đoạn, Ly, Diệt. Diệt gọi là không. Nên phải biết đệ-nhất-nghĩa nên các hành đều không có. Chỉ vì thế-đế nên mới có các hành.

#### **PHẨM DIỆT-TẬN THỨ 154**

Nếu duyên Nê-Hoàn gọi là không tâm.

Hỏi: Nê-Hoàn vô-pháp tâm duyên vào chỗ nào?

Đáp: Tâm này duyên vô-sở-hữu. Việc này trước đã rõ vì biết Nê-Hoàn vậy.

Hỏi: Không-tâm này diệt ở chỗ nào?

Đáp: Hai chỗ diệt: một vào trong vô-tâm-Định Diệt, hai khi vào vô-dur Nê-hoàn dứt tương tục mà diệt. Tại vì sao? Vì diệt nhân-duyên nên tâm này cũng diệt. Trong vô-tâm-Định vì duyên diệt nên diệt; khi dứt tương tục vì nghiệp hết nên diệt. Luận-giả nói: Kẻ hành giả, nếu năng diệt ba tâm này, thời các nghiệp phiền não hẳn chẳng còn khởi lại nữa.

Hỏi: Tại sao chẳng khởi?

Đáp: người này đầy đủ vô-ngã, nên diệt được nghiệp phiền não, như thói đèn đen có chỗ nương ở là trụ lại, mà không chỗ nương thời chẳng trụ vậy. Như vậy nếu có ngã-tâm làm chỗ nương thời nghiệp phiền não nhóm, không thời chẳng nhóm. Lại vô-lậu chính-kiến đốt hết các tướng, khiến không còn sót, như kiếp-hỏa đốt cháy hết đất thấy không còn. Vì vô tướng nên các nghiệp phiền não chẳng nhóm lại nữa. Lại kẻ có ngã-tâm thời nghiệp phiền não nhóm. A-La-Hán thông đạt không trí vì không ngã tâm nên chẳng còn nhóm.

Hỏi: Người này tuy nghiệp mới chẳng nhóm, nhưng vì nghiệp cũ, có sao chẳng sinh?

Đáp: Người ấy đem chính trí-huệ phá hoại nghiệp này, nên chẳng năng trả báo được, như hạt giống rang chẳng còn sinh được. Lại nếu không có ái-tâm thời tác-nghiệp chẳng hay trả báo được, như đất chẳng ướt thời gống chẳng mọc. Lại hành-giả này với các thức-xú diệt hết các tướng, thức không chỗ nương nên không có chỗ sinh, như gống không chỗ nương thời mọc chẳng được. Lại đủ nghiệp phiền não mới năng thọ-thân, mà chẳng đủ thời tiêu-diệt. Người này không phiền não nên nhân-duyên chẳng đủ, dù có các nghiệp cũng chẳng thọ sinh được.

Lại chúng-sinh vì phiền não nên thọ thân các thú. Vì thọ thân nên các nghiệp trong ấy năng cùng với quả-báo. Nếu không phiền não thì chẳng thọ thân. Chẳng thọ thân, thì các nghiệp làm sao năng cùng quả-báo được? Như người mắc nợ nhờ cậy thế-lực, thì chủ nợ chẳng làm gì được. Hành-giả cũng vậy nếu chẳng ở trong sinh tử thì dù có các nghiệp cũng chẳng trả báo được. Lại như người bị trói, những người chẳng bị trói tha hồ mắng chửi. Như vậy chúng-sinh bị phiền não trói, tùy nghiệp nhiều ít đều năng trả báo. Kẻ được giải thoát, thì phiền não chẳng làm gì được. Lại tự nghiệp mình năng trả quả-báo; người này tu hạnh không hành nên đối với các pháp không có tự tướng, vậy nên các nghiệp chẳng trả báo được, như dùng con làm tó, thì khỏi trả tiền thuê. Việc này cũng như vậy. Lại sức mạnh phiền não năng xoay các nghiệp mà phiền não hết sức, thì các nghiệp chẳng ai xoay, như bánh xe tuy còn, mà động lực đã hết, thì bánh xe chẳng lăn. Lại sức phiền não năng biến các nghiệp, như mẹ vì thương con nên máu biến thành sữa; khi hết lòng thương, thì máu chẳng biến. Như vậy vì sức phiền não, nên nghiệp năng báo, lia thời chẳng năng. Lại người này, nhờ Giới, Định, Huệ các công-đức tu thân thế lực rất lớn, nên các nghiệp chẳng làm gì được. Vậy nên tuy có các nghiệp mà chẳng trả báo được. Như vậy, người, người này nghiệp cũ hiện còn trả báo chút ít thôi; mà chẳng gây nghiệp mới, như lửa đốt củi, củi hết thì tắt. Người này cũng như vậy, vì chẳng thọ nên diệt, diệt ba tâm, nên đối với tất cả các khổ được giải thoát hẳn. Vậy nên kẻ Trí cần diệt ba tâm.

Hết nhóm Diệt-Đế.

### **PHẨM ĐỊNH-NHÂN TRONG ĐỊNH-LUẬN NHÓM ĐẠO-ĐẾ THỨ 155**

Luận giả nói mới luận về Đạo-Đế. Đạo-Đế là tám con đường chính thẳng từ chính-kiến cho đến chính-định. Tám chính đạo này được nói có hai: một gọi là tam-muội và dụng-cụ; hai gọi là trí. Nay đang luận về tam-muội.

Hỏi: Tướng tam-muội những ra sao?

Đáp: Tâm trụ một chỗ là tướng tam-muội.

Hỏi: Tâm này làm sao trụ được một chỗ?

Đáp: Tùy chỗ tập luyện nhiều, với chỗ ấy an-trụ được. Nếu chẳng tập nhiều, thì mau bỏ lia.

Hỏi: Tập bằng cách nào?

Đáp: Tùy muốn vui tập.

Hỏi: Làm sao vui được?

Đáp: Thân tâm nặng nề gọi là khổ. Dùng phương pháp khoan-khoái trừ tướng thô nặng nơi thân tâm, thì năng sinh vui.

Hỏi: Làm sao sinh khoan-khoái?

Đáp: Dùng nhân-duyên hoan hỷ, nên thân tâm hòa vui.

Hỏi: Làm sao sinh hỷ?

Đáp: Do nghĩ Tam-bảo và nghe Pháp thấy tâm ưa thích nên sinh hỷ.

Hỏi: Làm sao sinh ưa thích?

Đáp: Do thanh tịnh trì giới, tâm chẳng sinh ăn năn.

Hỏi: Đã nói nhân tam-muội. Nay tam-muội lại làm nhân cho cái gì?

Đáp: Làm nhân cho như-thật-trí. Như-thật-trí là không trí vậy. Như nói hành-giả như vậy: nhiếp-tâm, thanh tịnh-tâm, trừ-che-tâm, trụ-tâm, và bất-động-tâm, thì như-thật biết khổ thánh đế, tập, diệt, đạo thánh-đế. Vậy nên ai muốn được như-thật-trí, phải siêng tinh tiến tu tập tam-muội. Kẻ tán tâm hãy chẳng năng được lợi ích kinh thơ, nghề-nghiệp công xảo thầy của thế-gian, huống là năng được lợi ích của xuất-thế-gian. Nếu biết tất cả lợi ích thế-gian, và xuất-thế-gian, đều nhờ định tâm mới được. Lại tất cả diệu thiện đều nhờ chính trí; tất cả tệ-ác đều bởi tà-trí. Như trong kinh nói: “Vô-minh là đầu sở, vô-tâm quý là tùy tông khởi tất cả ác. Giờ đây lấy minh làm thủ lĩnh, lấy tầm-quí làm tùy tông khởi tu tất cả thiện. Mà tam-muội là nhân chính-trí-huệ. Nên nên biết tất cả diệu thiện đều nhờ tam-muội. Vậy nên phải siêng năng tinh tiến tu tập.

### **PHẨM ĐỊNH-TƯỚNG THỨ 156**

Hỏi: Ông nói tâm trụ một chỗ là tướng tam-muội. Tam-muội với tâm là một hay là khác?

Đáp: Tam-muội với tâm chẳng khác. Có người nói tam-muội khác với tâm, vì tâm được tam-muội thì mới an ở một chỗ. Tuy có lời ấy, nhưng nghĩa chẳng nhầm. Nếu tâm được tam-muội năng ở trong cảnh duyên ấy, thì tam-muội này cũng trụ ở trong cảnh duyên, và lẽ cũng lại làm nhân cho tam-muội khác trụ ở. Cứ như vậy vô cùng. Việc ấy không thể được. Nếu tam-muội này tự nhiên trụ ở tâm ấy cũng như vậy, lẽ chẳng nhân tam-muội mà an-trụ. Vậy nên nếu nói tam-muội khác với tâm, nghĩa ấy vô ích. Lại thọ tướng thấy các tâm số pháp cũng trụ ở trong cảnh duyên, đây lại là nhân pháp nào mà trụ? Việc ấy nên nói đi. Nếu thọ tướng thấy đều có tam-muội, tức đồng lỗi như trước. Lại trong kinh chỉ nói nhất-tâm là tướng tam-muội, chẳng nói tâm được tam-muội nên trụ. Nên biết chẳng nhầm. Lại nói nhất-tâm mà chẳng nói rõ các pháp

khác. Như trước đã nói tùy tâm vui chỗ duyên trụ ở đấy. Phải biết tâm không riêng có tam-muội, tùy tâm trụ lâu, gọi là tam-muội.

Hỏi: Tam-muội ấy là hữu lậu hay là vô-lậu?

Đáp: Hai thứ tam-muội, hữu lậu và vô-lậu: các thiên-định thế-gian là hữu-lậu, các tam-muội khi vào Pháp-vị gọi là vô-lậu. Tại vì sao? Vì bấy giờ gọi là như-thật biết thấy. Bấy giờ hai thứ cũng tam-muội, cũng gọi là Huệ: nhiếp tâm nên gọi tam-muội; như-thật biết nên gọi là Huệ. Nhiếp tâm có ba thứ: thiện, bất thiện, và vô-ký. Trong ấy lấy thiện nhiếp tâm là tam-muội, chứ chẳng phải bất-thiện vô-ký. Tam-muội này cũng có hai thứ: một là giải thoát nhân; hai là phi giải thoát nhân. Giải thoát nhân, gọi là Định-căn. Có ông Luận sư nói: Chỉ vô-lậu định gọi là Định-Căn. Lời nói này chẳng nhằm. Nếu hữu-lậu vô-lậu năng làm nhân giải thoát đều được gọi Định-căn.

Tam-muội này tùy trụ duyên, nên mới phân-biệt ba thứ: tiểu, đại và vô lượng. tâm khi trụ giây lát, nếu thấy chút cảnh duyên, đấy gọi là tiểu. Còn hai thứ kia cũng vậy. Lại tùy thời nên có ba tướng: chế tướng, phát-tướng, và xả tướng. Khi tâm lui chìm nên dùng phát tướng; khi tâm lay động nên dùng chế tướng; khi mà tâm hòa vui, nên dùng xả tướng. Như thợ vàng rèn vàng: hoặc khi cho vào lửa thét, hoặc khi ngâm vào nước, hoặc khi để nằm không. Nếu trui luôn thời chảy tiêu; mà ngâm mãi thời cứng đờ; hoặc thường để nằm không thời chẳng mềm dẻo. Tâm hành-giả cũng như thế: nếu động mà chẳng thời thường tán loạn; chìm mà chẳng phát thời lại biếng lười; nếu hòa mà chẳng xả thời lại chẳng điều đặn. Lại như tập ngựa: nếu mau thời gò; nếu chậm thời giục; nếu vừa thời xả. Hành-giả điều tâm cũng lại như vậy. Lại tam-muội này có ba phương tiện: phương tiện nhập-Định; phương tiện trụ-Định; phương tiện khởi-Định. Đúng như pháp mà vào Định là phương tiện nhập-Định; tại Định chẳng động là phương tiện trụ-Định; đúng như pháp mà xuất Định là phương tiện khởi-Định.

Hỏi: Làm sao được ba phương tiện ấy?

Đáp: Hành giả lấy tướng tự-tâm: chế như vậy, phát như vậy, thời năng vào Định, Trụ, Xuất cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ lấy thẳng như Định, cần gì phải dùng phương tiện?

Đáp: Nếu chẳng sinh ba món phương tiện này thời có làm lỗi. Chẳng được tùy ý: muốn vào thời khởi, mà muốn khởi lại vào. Có những lỗi này. Lại lấy lợi làm tổn, lấy tổn làm lợi như thấy chút tịnh sắc và chút ánh sáng, bảo là đã được đại lợi. Hoặc niệm vô thường, khổ, không thấy, tâm chẳng được vui, lại cho là tổn.

Hỏi: Hành-giả, tại sao có kẻ được Định, hoặc có kẻ chẳng được?

Đáp: Có bốn nhân-duyên được Định: Một đời nay siêng tập; hai tiền thân có duyên; ba khéo lấy tướng Định; bốn y theo Định pháp. Lại bốn món tu Định: một thường xuyên tập mà chẳng nhất-tâm hành; hai nhất tâm hành mà chẳng tập luyện; ba cũng thường tập luyện cũng nhất tâm hành; bốn chẳng thường tập chẳng nhất tâm hành. Lại có bốn món nữa: Có nhiều thiện ít huệ; có ít thiện nhiều huệ; có nhiều thiện nhiều huệ; có ít thiện ít huệ;. Trong ấy hành giả số ba chắc năng được Định, số tư chẳng năng được, số một và số hai nếu điều hòa cho bình đẳng thời được.

### **PHẨM BA TAM-MUỘI THỨ 157**

Hỏi: Trong kinh nói ba pháp tam-muội: Nhất phần tu tam-muội; cộng-phần tu tam-muội; Thánh-chính tam-muội, Pháp nào là thế nào?

Đáp: Nhất phần tu là như tu Định chẳng tu Huệ, hoặc tu Huệ chẳng tu Định. Cộng phần tu là như tu định cũng tu huệ. Đây là thế-gian tam-muội ở trong pháp Não thấy. Thánh chính tam-muội là như vào Pháp-vị năng chứng Diệt-đế, gọi là Thánh-chính. Tại sao biết được? Như vị trưởng lão Tỳ-kheo bảo kẻ hành giả: “lấy Định tu tâm, nhờ Huệ năng ngăn được phiền não, lấy cả Định Huệ tu tâm nhờ Định ngăn được phiền não, lấy cả Định Huệ tu tâm, nhờ tính được giải thoát tính”. Nghĩa là đoạn-tính, ly-tính và diệt tính. Lại như Định Huệ đồng thời đầy đủ, nên gọi Thánh-chính, như nhờ cả Định Huệ được giải thoát gọi là câu-giải-thoát.

Hỏi: Có người nói: Nhất-phần tu là nhờ tam-muội được thấy quang-minh, chẳng thấy các sắc; hoặc thấy các sắc chẳng thấy quang-minh. Cộng phần tu là được thấy sắc cũng thấy quang-minh. Thánh-chính là những bậc Học và vô-học chứng được tam-muội. Việc ấy thế nào?

Đáp: Không có kinh nào nói chỉ thấy quang minh mà chẳng thấy sắc. Trong kinh chỉ nói ta trước đã từng thấy quang-minh cũng thấy các sắc. Lại người phải nói lý do tại sao thấy quang minh mà chẳng thấy sắc? Người nói những lẽ như thế, là nói quấy vậy.

Hỏi: Lại trong kinh nói ba tam-muội: không, vô tướng, vô nguyện. Ba tam-muội này sai khác nhau thế nào?

Hỏi: Nếu hành-giả chẳng thấy chúng-sinh cũng chẳng thấy Pháp, đấy gọi là không. Trong không như thế không có tướng khá lầy; không ấy tức gọi vô tướng. Trong không, không có nguyện cầu gì; không ấy gọi vô nguyện. Vậy nên ba mà nghĩa là một.

Hỏi: Nếu vậy nói ba làm chi?

Đáp: Công năng của không này là cần phải tu không. Vì tu không mà được lợi ích là chẳng thấy tướng. Vì chẳng thấy tướng nên vô tướng. Vì vô tướng nên chẳng nguyện cầu. Vì chẳng nguyện cầu nên chẳng thọ thân. Vì chẳng thọ thân nên mới giải thoát được tất cả khổ. Được những lợi ích như thế đều nhờ tu không mà có. Vậy nên phải nói có ba.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói: Nếu tam-muội lầy không tu vô-ngã, đấy gọi là không. Nếu tu vô thường, khổ, nhân Tập mà sinh duyên Đạo như hành xuất, đây gọi vô nguyện. Nếu tu diệt chính-diệu-ly, đấy gọi vô tướng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Người nói tu vô khổ gọi vô nguyện ấy. Đấy chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì Đức Phật thường nói “Hoặc vô thường tức là khổ, hoặc khổ tức là vô-ngã”. Biết vô-ngã thời chẳng nguyện nữa. Nên biết cũng do không nên mới chẳng nguyện. Nếu nói hành nhân tập sinh duyên gọi vô nguyện ấy, đấy hoặc có lý. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Thấy bao nhiêu sinh tướng đều là diệt tướng thời mới sinh nhàm lìa”. Lại trong Đạo chẳng nên có vô nguyện hành. Tại vì sao? Vì nguyện là một phần của ái, như kinh nói: “Nguyện, thương, trung, hạ trong Đạo chẳng sinh tham ái”. Vậy nên chẳng có vô nguyện hành. Lại trong kinh nói: “Ngũ-âm diệt nên gọi Diệt” Phải biết tùy không có ngũ-âm, đấy gọi là không. Không tức là Diệt. Trong ấy vô nguyện. Vì ái thân nên mới nguyện. Nên biết đấy ba mà nghĩa là một chẳng nên cho sai khác.

Hỏi: Lại trong kinh nói ba tam-muội: không không, vô-nguyện vô-nguyện, vô-tướng vô-tướng. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Lầy không để thấy ngũ-âm trống-không; lại thấy một không khác để có thể làm không trông-không kia. Đấy gọi trống không. Lầy vô-nguyện để nhàm ớn ngũ-âm; lại lầy một vô-nguyện nữa để nhàm vô-nguyện kia. Đấy gọi vô-nguyện vô-nguyện. Lầy vô-tướng để thấy ngũ-âm tịch-diệt; lại dùng một vô-tướng để thấy ngũ-âm tịch-diệt; lại dùng một vô-tướng khác để chẳng lầy vô-tướng kia. Đây gọi vô-tướng vô-tướng.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói: Ba tam-muội này là hữu-lậu. Việc ấy thế nào?

Đáp: Đấy chẳng phải hữu-lậu. Tại vì sao? Vì bây giờ không có lậu năng khiến vậy. Lại tam-muội này đối với không thấy thù-thắng, làm sao nói là hữu-lậu?

Hỏi: Nếu không thấy ba tam-muội, là thật trí-huệ, tại sao gọi là tam-muội?

Đáp: Các tam-muội sai khác vậy. Lại tam-muội năng sinh như-thật-tri-kiến, nên gọi tam-muội. Là trong quả nói nhân vậy.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói: Không không thấy ba tam-muội này, chỉ bực vô-học được, chẳng phải người khác. Việc ấy thế nào?

Đáp; Học nhân cũng nên được. Tại vì sao? Vì hành-giả nên chứng hữu-lậu vô-lậu tất cả pháp diệt. Vậy nên học-nhân cũng cần phải chứng vô-lậu pháp diệt.

### **PHẨM TỨ ĐỊNH THỨ 158**

Có tu Định vì vui hiện-tại; có tu Định vì tri-kiến; có tu Định vì huệ phân-biệt; có tu định vì hết lậu. Như tam-muội năng được vui hiện-tại là đệ-nhị-thiền thấy. Tại sao biết được? Vì Phật nói: “Đệ-nhị-thiền là do tam-muội mà sinh hỷ-lạc” nên vì đó đặt tên mà chẳng vì các pháp khác, như vào thành xá-vệ, là vì phạm-thực vậy.

Hỏi: Sơ-thiền cũng có hỷ-lạc, tại vì sao chẳng nói có hiện vui.

Đáp: Sơ-thiền lẫn lộn các giác quán hay làm tản tâm, nên chẳng nói hiện vui.

Hỏi: Đệ-nhị-thiền cũng có hỷ-thấy hay làm loạn tâm-pháp, mà sao gọi vui?

Đáp: Trước diệt các giác, tâm sâu nhiếp, nên mới nói hỷ thấy là vui. Chỉ vì hành khổ nên tất cả gọi khổ. Lại trong sơ-thiền khổ-thô; trong nhị thiền khổ-tế. vì khổ nhỏ nhiệm, nên mới được gọi là vui.

Hỏi: Trong đệ-nhị-thiền thấy cũng có hành vui đời sau, mà tại sao chỉ nói vì vui hiện-tại?

Đáp: Như vì vua A-Xà-Thế nói quả Sa-môn hiện-tại. Lại vì gần nên nói. Lại vì muốn phá vui ngũ-dục, nên nói vui hiện-tại. Nếu người tham đắm vui ngũ-dục, nên chẳng được các thiền-định, vì đây nên nói. Nếu các người năng lìa vui ngũ-dục, sẽ được vui hơn vui hiện-tại. Lại các Đức Phật chẳng khen thọ thân sau, nên chẳng nói vui đời sau. Lại người đời nói người tại gia vui, chẳng phải người xuất gia vui. Lại bốn pháp tu Định đều vì hiện vui, vì đầu tiên nhân tên, nên độc nhất nói hiện vui.

Hỏi: Nếu bốn pháp tu Định này, năng thành các món lợi, tại sao chỉ nói bốn lợi u?

Đáp: Lợi có hai thứ: lợi thể-gian, lợi xuất thể-gian. Tu Định thứ hai là lợi thể-gian, chỗ gọi tri kiến. Tri là bát trừ nhập, thập nhất thiết nhập thấy lợi; kiến là ngũ thần thông thấy lợi. Tại vì sao? Vì lợi mắt khá thấy vậy, nên gọi kiến. Việc này nhờ lấy ánh sáng nên thành, nên gọi tri kiến tức nói tướng ánh sáng. Hai là lợi xuất thể-gian: lấy huệ phân-biệt ngũ-âm, gọi là huệ phân-biệt. Nên trong kinh nói: “Huệ phân-biệt là hành giả, hoặc sinh các thọ các giác, các tướng đều có thể riêng biết”. Riêng biết giác là đây chấp ngã giác. Làm sao khiến nó không? Nghĩa là phân-biệt tướng nam nữ thấy là giả-danh. Nếu pha tướng này được thời không có các tướng giác. Như trong kinh nói: “Các giác nhân đâu? Chỗ gọi là tướng”. Nên phá tướng này được thời không có các tướng giác. Như trong kinh nói: “Các giác nhân đâu? Chỗ gọi là tướng”. Nên biết chỉ phá tướng thời không có giác. Vì các giác không, nên các thọ cũng không. Nên biết vì phá giả-danh, nên gọi huệ phân-biệt. Vì huệ phân-biệt nên được hết lậu. Như trong kinh nói: “Hành giả quán tướng ngũ-âm sinh diệt, nên chứng được âm diệt”. Nên mới biết tất cả lợi thể-gian và xuất thể-gian đều thu nhiếp ở trong bốn pháp.

Hỏi: Có ông Luận-sur nói trong đệ tứ thiên, năng chứng được quả A-La-Hán vô ngại đạo, gọi là hết lậu. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trong ấy không có nhân-duyên gì sai khác mà chỉ trong đệ-tứ-thiên vô-ngại-đạo gọi là hết lậu mà chẳng phải các pháp khác. Vậy nên chẳng phải lẽ. Lại tu Định vì ba lợi; một vì hiện vui; hai vì tri kiến; ba vì dứt gút. Hoặc nói vì hai. Như nói vì rốt ráo hết vậy; khéo thanh tịnh vậy; sinh từ hết vậy; phân-biệt các món tính vậy. Đây là kẻ có mắt nói Đạo. Trong ấy, trước ba nói đoạn, sau một nói trí. Phật với trong ấy chẳng nói hiện tại.

### **PHẨM TỨ VÔ-LƯỢNG ĐỊNH THỨ 159**

Từ-bi-hỷ-xả. Từ gọi là lòng lành, trái nhau với giận dữ, như các thiện-tri-thức. Là kẻ thiện-tri-thức. Thường cầu an lợi. Hành-giả cũng vậy, vì tất cả chúng-sinh thường cầu an-lạc. Vậy nên người này làm Vị thiện-tri-thức cho tất cả chúng-sinh.

Hỏi: Tướng của thiện-tri-thức ra sao?

Đáp: Thường vì cầu lợi ích an vui đời này và đời sau cho nhau, quyết chẳng trái nhau cầu việc vô ích. Hành-giả cũng vậy, chỉ vì chúng-sinh cầu việc an-lạc, chẳng cầu việc phi an-lạc.

Bi gọi là từ-tâm, trái nhau với não hại. Tại vì sao? Cũng vì chúng-sinh cầu-an vui vậy.

Hỏi: Giận dữ và não-hại có khác chi không?

Đáp: Sinh niệm giận trong lòng, muốn đánh đập hại chúng-sinh này do giận khởi nghiệp thân khẩu, thời gọi là não-hại. Lại giận làm nhân cho hại, vì kẻ ôm lòng giận quyết làm hại cho kỳ được.

Hỷ gọi là từ tâm, trái nhau với ganh ghét. Ganh là thấy việc tốt kẻ khác, tâm chẳng nhẫn tức sinh ghét giận. Hành-giả thấy tất cả chúng-sinh được những điều tăng ích, sinh lòng rất vui mừng, như tự mình được lợi.

Hỏi: Ba pháp này đều là Từ cả sao?

Đáp: Tức là ba món sai khác của Từ-Tâm. Tại vì sao? Vì chẳng giận là Từ; có người tuy chẳng hay giận, nhưng thấy chúng-sinh khổ chẳng hay thương. Nếu năng đối với tất cả chúng-sinh sâu tu lòng Từ, như người thấy con gặp khổ hại cấp bách, bấy giờ lòng Từ chuyển tên là lòng Bi. Hoặc có người với trong việc khổ hại của kẻ khác năng sinh lòng thương, mà đối với trong việc ích chẳng hay sinh lòng vui mừng. Tại sao biết được? Vì có người thấy kẻ oán tặc khổ thoảng hoặc sinh lòng thương, mà thấy con đắc thắng việc hơn mình vẫn chẳng năng vui được. Hành-giả thấy tất cả chúng-sinh được sự tăng ích sinh tâm vui mừng như mình được không khác. Đây gọi là Hỷ. Nên biết sai khác của Từ-tâm là Bi với Hỷ.

Hỏi: Xả, thứ gì mà gọi là Xả?

Đáp: Tùy thấy oán, thân thời Từ-tâm chẳng bình đẳng; đối với người thân thời trọng đãi so chẳng gì bằng; mà đối với kẻ oán quá quắc là bạc bẽo. Bi Hỷ cũng như vậy. Nên hành-giả muốn cho tâm được bình đẳng, thời đối người thân xả hết thân; đối với kẻ oán hết oán, nhiên hậu đối với tất cả chúng-sinh lòng Từ mới bình đẳng. Bi Hỷ cũng vậy. Nên trong kinh nói: “Vì muốn dứt ghét, thương nên phải tu tập xả tâm”.

Hỏi: Nếu như vậy thời không có xả tâm riêng? Chỉ lấy tâm bình-đẳng mà gọi là xả?

Đáp: Tôi trước đã nói sai biệt của Từ-tâm là Bi Hỷ thấy. Lại từ-tâm do pháp Hạ, trung, thượng nên có ba thứ năng khiến ba thứ này bình-đẳng, nên gọi là xả. Như nói lấy Từ-tâm bực thượng tu tập tam-thiền.

Hỏi: Dùng phương tiện nào mà được Từ-tâm này?

Đáp: Sau sẽ nói tội lỗi giận dữ. Biết tội lỗi này rồi, sẽ tu Từ-tâm, như trong kinh nói: “Kẻ tu Từ-tâm, ngũ yên, thức yên, chẳng thấy ác mộng; được Trời hộ người mến; chẳng trúng độc; chẳng bị đao binh; và nước chẳng làm hại”. Như vậy tất cả nghiệp báo do giận dữ mà sinh, làm sao bì kịp? Nghe lợi ích ấy nên siêng tu tập. Lại hành-giả nghĩ lòng: Ta khởi giận dữ, tự chịu quả-báo, chẳng phải ai thay chịu, vậy chẳng

nên giận mà nên tu lòng Từ. Lại hành-giả nghi tính; Ta vì chút ác mà gia hại người, thời tự chịu nhiều ác gấp trăm lần chẳng sánh kịp, nên phải lìa ác. Lại trong kinh nói năm món nhân-duyên trừ giận, thường phải nhớ. Lại giận dữ chẳng phải là điều đáng nên của người tu. Lại phải nghĩ việc lành lợi ích của người kia mà trừ bỏ việc ác, thời tự dứt giận dữ. Lại phải quán nhân-duyên trước sau của người kia; Người này đời trước, hoặc từng làm mẹ ta, ôm thai sinh để nuôi dưỡng ta vì ta mà khổ nhục; hoặc từng làm cha, anh, em, vợ, con thì làm sao mà giận? Lại nghĩ: Đời sau, họ hoặc sẽ vì ta làm cha mẹ anh em; hoặc sẽ làm La-Hán, Duyên giác, hay các Đức Phật, thời làm sao giám giận? Lại thấy người ác vì làm ác nên bị khổ cả hai đời. Vậy nên chẳng giận. Lại quán kỹ thể tính người kia là thiện hay ác: Nếu là ác họ gia ác với ta, có sao sinh giận, như lửa đốt người, nào ai giận lửa? Lại thấy người kia bị phân-biệt bức, chẳng được tự tại, như bị quỷ bắt, thời sinh giận làm gì? Lại tùy dùng nhân-duyên nào đó mà tu tập nhẫn nhục, phải nghĩ nhớ pháp ấy, thời dứt giận dữ, lòng Từ thêm lớn. Công đức nhẫn nhục là hành-giả phải nghĩ lòng: Nếu ta giận người tức là què hèn như người không khác. Vậy nên phải nhẫn. Như Phật nói kệ:

Thí như tập voi,  
Chịu nổi dao tên;  
Ta cũng như vậy,  
Chịu nổi các ác.  
Lại kệ nói:  
Ác-khẩu mắng chưởi,  
Hủy nhục giận dữ,  
Tiểu nhân chẳng nổi,  
Như đá mưa chìm.  
Ác khẩu mắng chưởi,  
Hủy nhục giận dữ,  
Đại-nhân chịu nổi,  
Như hoa mưa voi.

Vậy nên phải nhẫn. Lại đem việc ác này xoay làm công đức, cho các việc ác ấy theo thành công đức vậy. Lại hành-giả biết chúng-sinh này ngu si không hiểu biết, in như trẻ con, chẳng nên giận vậy. Nhờ những phương tiện này năng tu lòng Từ.

Hỏi: Làm sao tu Bi?

Đáp: Hành giả thấy các chúng-sinh vui ít khổ nhiều nên sinh lòng Bi: Ta nữ nào với chúng-sinh khổ kia lại gia thêm khổ nữa? Lại thấy chúng-sinh quá tham đắm vui, sinh nghĩ lòng rằng: Ta nay làm sao dứt lòng tham nó, nên sinh lòng Bi. Lại thấy chúng-sinh khổ, vì hiện khổ cho nên khổ; thấy chúng-sinh vui, vì vô thường nên khổ. Vậy nên tất cả chúng-sinh đều có phần khổ, hoặc sớm hoặc muộn, không ai thoát được. Vì nhân-duyên này, nên sinh lòng Bi.

Hỏi: Làm sao tu Hỷ?

Đáp: Hành-giả thấy kẻ ganh lợi với người khác là tướng què hèn, vậy nên tu Hỷ, khởi nghĩ như vậy: Lẽ ta phải cho chúng-sinh vui, nhưng nay nó tự được, thế là giúp ta. Vậy nên sinh mừng. Lại thấy ganh ghét ấy luống uổng vô-ích, chẳng tổn ai được, mà lại hại mình. Lại như kinh nói ganh ghét là tội lỗi. Muốn lìa lỗi ấy, nên sinh vui mừng.

Hỏi: Làm sao tu Xả?

Đáp: Thấy lỗi tâm bất bình-đẳng, muốn cho tâm bình-đẳng, vậy nên tu Xả. Lại hành-giả thấy lỗi của tâm tham giận nên tu hạnh Xả.

Hỏi: Vô lượng tâm này ở trong cõi nào?

Đáp: Đều ở ba cõi.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói từ tam-thiên trở lên không có hỷ-căn. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tôi chẳng nói hỷ-tâm là hỷ-căn-tính chỉ vì lời kẻ khác lòng khác mừng chẳng vẫn đục, nên gọi là Hỷ. Bốn vô-lượng tâm này đều là huệ-tính.

Hỏi: Trong cõi vô-sắc làm sao có bốn vô-lượng-tâm? Vì có sắc tướng mới phân biệt chúng-sinh; trong ấy hoại mất sắc tướng làm sao có được?

Đáp: Chúng-sinh vô-sắc cũng có thể phân-biệt. Như trong kinh nói: “Phải làm hữu-sắc và vô-sắc thay”. Lại trong kinh nói: “Tu Từ rất xa, được báo biến-tịnh; tu Bi rất xa, được báo vô-sở-hữu-xứ”. Nên biết trong vô-sắc cũng có vô-lượng-tâm.

Hỏi: Trong mỗi mỗi cõi có một vô-lượng-tâm. Phi-tướng phi phi-tướng-xứ không có sao?

Đáp: Tất cả xứ có tất cả, chỉ tu thượng Từ nên sinh về biến-tịnh-xứ. Vì các nghiệp sinh quả-báo trong-tự vậy, nghĩa là chúng-sinh cầu vui lại được báo vui. Bi cũng như vậy. Do có thân nên các khổ nhóm nhiều. Vô-sắc trong hư không, nên Thức-xứ tâm ở trong cảnh duyên rất vui ở, nên bỏ hết vô-sở-hữu xứ. Hành giả vì bị tướng làm mỗi mệt, nên vào vô-sở hữu-xứ, Phi-tướng phi phi-tướng cũng có vô-lượng-tâm. Nhưng vì nhỏ nhiệm chẳng rõ nên chẳng nói. Lại tất cả xứ có tất cả, nhưng tùy nhiều mà nói, trong biến-tịnh lòng từ rất cao tột nên nói như thế thầy. Lại trong các thiên-định, bốn vô-lượng-tâm thọ quả-báo thù thắng, vì nghiệp-duyên chúng-sinh vậy.

Hỏi: Có ông luận-sư nói bốn vô-lượng-tâm này chỉ duyên chúng-sinh cõi Dục. Việc này thế nào?

Đáp: Sinh tất cả xứ đều năng hiện vào.

Hỏi: Nếu sinh trong kia cũng năng hiện vào thời phước chẳng năng hết, vì thường sống trong ấy?

Đáp: Như trong ấy cũng hiện vào Thiên thầy; các thiện-pháp khác, cũng vẫn có thôi lui. Từ thầy cũng như vậy.

Hỏi: Nếu có lẽ này, sao chẳng mau thôi lui?

Đáp: Có nghiệp như vậy, tuy có nhân-duyên lui, mà chẳng mau lui, như các cõi Trời trong cõi Dục thầy, tuy có thiện-nghiệp mà cũng sinh ác-đạo. Việc này cũng như vậy.

Hỏi: Kẻ tu Từ tam-muội, tại sao đao binh, nước lửa chẳng làm hại được?

Đáp: Đây là nhờ phước lành lâu dày, nên các ác chẳng gia hại được; Cũng được các vị Trời thủ-hộ nữa.

Hỏi: Kinh nói Từ cùng tu giác-ý. Hữu-lậu và vô-lậu làm sao cũng tu?

Đáp: Từ này và giác-ý thuận nhau như trong kinh nói: “Nếu người chăm lòng nghe pháp, thời năng dứt năm món che”. Tu bảy pháp giác-ý chẳng cần nghe pháp, cũng tu giác-ý được. Lại trong kinh nói: “Tỳ-kheo các người! Tu tập lòng Từ, Ta bảo đảm các người được quả A-Na-Hàm”. Lòng Từ tuy chẳng dứt gút, nhưng trước lấy lòng Từ nhóm các lợi phước-đức trí-huệ, rồi mới được Thánh-Đạo, vì Huệ năng dứt các gút vậy, nên mới nói tu Từ được A-Na-Hàm. Cũng Từ tu giác cũng lại như vậy.

Hỏi: A-La-Hán dứt tướng chúng-sinh, làm sao tu vô-lượng-tâm?

Đáp: A-La-Hán tuy vào Từ-tâm, mà chẳng hay nhóm thành từ-nghiệp, vì chẳng thọ sinh vậy.

Hỏi: Lòng Đại-bi, các Đức Phật Thế-Tôn là thế nào?

Đáp: Các Đức Phật Thế-Tôn bất-tu-nghi-trí như vậy: Tuy biết các pháp rôt ráo không mà năng hành Đại-Bi sâu sắc hơn phàm phu, chỉ chẳng được quyết định tướng chúng-sinh.

Hỏi: Bi với Đại-bi có sai khác gì?

Đáp: Gọi Bi chỉ lòng thương xót, mà năng thành xong sự nghiệp, mới được gọi Đại-Bi. Tại vì sao? Vì Bồ-tát thấy chúng-sinh khổ, muốn hết khổ này mới siêng năng tu tinh-tiến. Lại ở vô-lượng kiếp tu tập được thành, nên gọi Đại-Bi. lại đem trí-nhãn thấy khổ chúng-sinh, quyết định phát tâm cần trừ diệt, nên gọi Đại-Bi. Lại làm nhiều việc lợi ích, nên gọi đại-bi. Cũng không bị gì ngăn ngại, nên gọi đại-bi. Tại vì sao? Vì lòng Bi hoặc nghĩ ác của kẻ kia, thời sinh ngăn ngại, chứ đại-bi đối với các ác dữ dội thông suốt không ngại. Lại lòng bi hoặc có dày, mỏng chẳng đồng, mà tất cả bình-đẳng, nên gọi đại-bi. Lại tự bỏ lợi mình, mà cầu lợi cho người, nên gọi đại-bi. Bi chẳng bằng như vậy. Đây là những tên sai khác. Như vậy Từ, thầy ở Phật đều gọi là Đại. Nhưng vì Bi năng cứu-khổ, vậy nên được nêu riêng.

### **PHẨM NĂM NHÁNH TAM-MUỘI THỨ 160**

Trong kinh nói năm nhánh Thánh tam-muội là: Hỷ, Lạc, Thanh-tịnh-tâm, Minh-tướng, và quán-tướng. Hỷ là sơ-thiên nhị-thiên hỷ-tướng đồng, nên gọi chung làm một nhánh. Đệ-tam thiên vì lia hỷ-lạc nên gọi riêng là một nhánh. Trong đệ-tứ thiên tâm thanh-tịnh nên gọi nhánh thứ ba. Nương ba nhánh này năng sinh minh-tướng. Minh tướng và quán-tướng này làm nhân, năng phá rách ngũ-ám; quán ngũ-ám trống không, nên gọi quán tướng. Năng đèn Nê-Hoàn, nên gọi là Thánh.

Hỏi: Trong kinh nói Thánh-ngũ-trí tam-muội. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Phật tự nói hành-giả khởi nghĩ rằng: ta với tam-muội này là Thánh-thanh-tịnh. Đây là sơ-trí. Tam-muội này chẳng phải phàm phu gần gũi được, mà là kẻ trí ngợi khen. Đây là trí thứ hai. Tam-muội này phải vắng lặng diệu ly mới được. Đây là trí thứ ba. Tam-muội này hiện tại vui, sau được báo cũng vui. Đây là trí thứ tư. Tam-muội này ta nhất tâm vào, nhất tâm ra. Đây là trí thứ năm. Phật chỉ cho trong Định cũng có trí-huệ, chẳng những buộc tâm, mà hành-giả khi tu tu tập Định, nếu sinh phiền-não thời ở trong ấy sinh trí trừ phiền-não kia muốn cho tam-muội là Thánh-thanh-tịnh gọi là sơ trí. Thánh thanh-tịnh là chẳng phải phàm phu được gần, là trí ngợi khen. Là chẳng phải phàm phu là các vị Thánh-nhân vì đã được trí nên chẳng gọi phàm phu. Trí này năng phá giả-danh, là trí thứ hai. Mong lần các phiền-não, tham thầy phiền-não diệt, nên gọi tịch-diệt. Vì tịch-diệt nên diệu; ly các phiền-não nên gọi là ly. Được pháp này đều là Đạo ly-dục, là



trí thứ ba. Tùy chúng phiền-não đoạn, được an-ân tịch-diệt, lia vui nóng nảy, nên gọi hiện vui, sau vui. Hiện vui, là vui lia phiền-não. Sau vui là vui Nê-Hoàn, là trí thứ tư. Hành-giả thường hành vô-tướng tâm, nên thường nhất tâm ra vào, là trí thứ năm. Vậy nên nếu kẻ nào chưa sinh năm trí phải sinh; đã sinh tức được quả Tam-muội.

### **PHẨM SÁU TAM-MUỘI THỨ 161**

Hỏi: Trong kinh nói sáu tam-muội: có một tướng tu làm một tướng; có một tướng tu làm nhiều các tướng; có một tướng tu làm một tướng, nhiều các tướng; nhiều các tướng tu cũng như vậy. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Một tướng ấy phải là là thiên-định, vì thiên-định ở trong một cảnh duyên nhất tâm hành vậy. Nhiều các tướng phải là tri-kiến, vì biết các pháp nhiều các tính, nên với ngũ-âm thấy các pháp phương-tiện vậy.

Hỏi: Một tướng tu làm một là thế nào?

Đáp: là như người nhờ Định lại được sinh Định. Còn một tướng tu làm nhiều các tướng: là như người nhờ Định được sinh tri-kiến. Một tướng tu làm một tướng nhiều các tướng Là như người nhờ Định được sinh thiên-định và ngũ-âm phương-tiện. Nhiều các tướng tu cũng như vậy.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói: Một tướng tu làm một tướng; Phải là như người nhờ đệ-tứ-thiền chứng A-La-Hán quả. Một tướng tu làm nhiều các tướng: Là như người nhờ đệ-tứ-thiền chứng năm thần-thông. Một tướng tu làm một tướng nhiều các tướng: Là như nhờ đệ-tứ-thiền chứng quả A-La-Hán và năm thần-thông. Nhiều các tướng tu làm nhiều các tướng: Là như người nhờ năm nhánh tam-muội chứng quả A-La-Hán và năm thần thông. Còn hai pháp kia cũng như vậy. Nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Phải nói lý-do? Tại sao đệ-tứ-thiền và A-La-Hán quả là một tướng; năm chi nhánh tam-muội và năm thần-thông là nhiều các tướng? Lại năm nhánh chẳng nên làm chỗ nương, vì năm nhánh tam-muội là minh-tướng quán-tướng của bốn Thiền, mà làm sao nương đây được quả A-La-Hán? Tại vì sao? Vì cần nương nhất Thiền mới được A-La-Hán quả. Lại cũng nên nương minh-tướng mà được quả A-La-Hán. Vậy chẳng nên phải lẽ.

Hỏi: Có người nói có sáu món vào Định: thuận vào, nghịch vào, thuận nghịch vào, thuận siêu, nghịch siêu, và nghịch thuận siêu. Việc ấy thế nào?

Đáp: Có ông Luận-sư nói: Hành-giả muốn được diệt tận định, nên thứ lớp vào ra các Thiền. Vậy nên chẳng nên hoặc nghịch, hoặc thuận, hoặc nghịch thuận, và vượt lên thấy. Sáu lỗi vào ra ấy được lợi ích chi? Hành-giả muốn được diệt tận định, quyết phải thứ lớp vào, cũng nên thứ lớp mà khởi. Lại nếu được bậc thượng, tại sao lại vào bậc hạ? Vì bậc hạ chông gai, như người lớn chẳng còn ưa cách giỡn của trẻ nít. Lại như người vì nghề nghiệp đã khéo, chẳng còn ưa vụng nữa. Việc này cũng phải như vậy. Lại nếu nói siêu-vượt, việc này chẳng phải lẽ. Trong kinh chỉ nói thứ lớp vào các thiên-định. Hành-giả nếu năng vượt đến đệ-tam, tại sao chẳng năng vượt đến tứ ngũ? Nếu nói thế lực chỉ chừng ấy, như người trèo lên thang lên một bậc chẳng lên được bậc nữa, ví-dụ này cũng chẳng quyết định. Lại người sức mạnh năng bước lên bậc tứ, lại cũng có thể vượt trên trăm bậc. Vậy nên nên chẳng phải lẽ. Trong kinh tuy nói khi Đức Phật vào Nê-Hoàn thuận nghịch vượt lên vào các thiên-định. Kinh này cùng với chính nghĩa trái nhau, chẳng nên tin chịu. Tuy có lời ấy, nhưng nghĩa chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì như nói hành giả đến diệt-tận-định, chỉ nên thuận vào mà chẳng cần sáu pháp. Hành-giả nếu đến thẳng Diệt định, vậy nên chẳng cần. Nếu muốn thí nghiệm tâm mình ở trong thiên-định coi có thể tự tại chẳng lui, nên mới thuận nghịch, ra vào, vượt lên, như người cỡi ngựa, nếu tại trận đối địch thời chẳng nên chạy vòng quanh; như muốn tập luyện trong lúc nhàn rỗi thời nên. Nếu nói bậc dưới chông gai nên vào ấy. Chẳng vì bậc dưới thặng hơn sau bèn vào, mà vì là chỗ hành-đạo của hành-giả vậy. Nếu nói như người chẳng ưa trẻ nít giỡn ấy. Hoặc vì nhân-duyên phải làm trẻ nít múa giỡn: như người đạo diễn gia phải múa nhảy trọn ngày, đâu phải lòng mình ưa vui mà vì dạy tập vậy. Như vậy Thánh nhân nghịch thuận ra vào vượt lên các thiên, là vì muốn thị hiện cho Trời, Người và các Thần, Tiên biết sức tự tại trong các thiên-định vậy. Lại khi Đức Phật vào Nê-Hoàn, vì muốn đem thâm diệu thiên-định để huân tu ngọc Xá Lợi, nên tự-tại vào ra nghịch thuận vượt lên. Lại người thấy Phật khi vào vô-dư Nê-Hoàn chán ngán tất cả pháp hữu vi, vậy nên Phật hiện pháp báu quý đáng yêu mến này. Người nói kinh này trái với chính nghĩa ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Người nói tại sao chẳng năng vượt đến thứ bốn ấy. Trong Bồ-tát tạng nói tướng vượt lên; Từ sơ thiên khởi, vào diệt tận định; từ diệt tận định khởi cho đến vào trong tâm, vì tâm lực vĩ đại nên mới có thể như vậy.

### **PHẨM BẢY TAM-MUỘI THỨ 162**

Luận-giả nói có bảy chỗ nương: nương sơ-thiền được hết lậu cho đến nương vô-sở-hữu-xú được hết lậu. Nương là nhân nhờ bảy chỗ này được Thánh-trí-huệ, như nhiếp-tâm được sinh thật-trí. Vì có người chỉ

được thiên-định cho đó là đủ. Vậy nên Phật nói: “đấy chẳng phải đã đủ đâu cần nương Định này cầu thêm thắng pháp nữa”. Nghĩa là hết các lậu. Nên nói là nương.

Hỏi: Nương thiên-định này được hết các lậu là thế nào?

Đáp: Phật nói hành-giả tùy đem tướng nào, duyên nào rồi vào sơ-thiền. hành-giả ấy chẳng còn nghĩ nhớ tướng ấy, duyên ấy nữa; mà chỉ quán trong sơ-thiền, có bấy nhiêu các sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức như bệnh, như cung, như tên, đau nhức, vô thường, khổ, không, vô-ngã. Khi quán như vậy, tâm sinh nhằm lia được giải thoát các lậu. Cho đến vô-sở-hữu-xú cũng như vậy. Chỉ trừ ba không-xú vì không có sắc quán được. Hành-giả thấy cõi Dục ồn-ào rối loạn, sơ-thiền yên lặng vắng vẻ, nhiên hậu mới được. Vậy nên Phật nói: “Đừng nghĩ tướng vui tịch-diệt ở Sơ-thiền, mà chỉ quán ngũ-âm và tám món tội lỗi của sơ-thiền mà thôi”. Các chỗ nương khác cũng vậy.

Hỏi: Cõi Dục tại sao chẳng nói nương?

Đáp: Trong kinh Tu-Thi-Ma nói: “Trừ bảy chỗ nương lại có được Thánh-Đạo-xú”. Nên biết cõi Dục cũng có nương.

Hỏi: Có người nói nương một bên sơ-thiền chưa đến chỗ được quả A-La-Hán. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng phải vậy. Nếu chưa đến chỗ mà có nương, thì là có lỗi. Nếu chưa đến chỗ năng được, tại sao vì chẳng vào sơ-thiền? Vậy nên chẳng phải.

Hỏi: Phi-tướng phi phi-tướng-xú, tại sao chẳng nói nương ư?

Đáp: Trong ấy chẳng rõ ràng vì Định nhiều Huệ ít, nên chẳng nói có nương. Bảy tướng định là bảy chỗ nương vậy.

Hỏi: Phật, tại sao nói bảy chỗ nương, gọi bảy tướng định?

Đáp: Ngoại-đạo vì không có chân-trí nên chỉ nương dựa nơi tướng. Tất cả nương dựa đều bị tướng làm như nhớp chẳng phá được giải thoát, nên gọi tướng-Định. Thánh-nhân năng phá hoại tướng, chỉ nương Định này thắng lấy hết lậu, nên gọi là nương. Như nói hành-giả quán các pháp này như tật bệnh, như mụn ung thảy, Phi-tướng phi phi-tướng-xú cũng vì tướng chẳng rõ rệt, nên chẳng nói tướng-định.

### **PHẨM TÁM GIẢI-THOÁT THỨ 163**

Luận-giả nói: Trong kinh nói tám giải thoát: Trước tiên tướng nội sắc, quán ngoại sắc. Kẻ hành-giả nhờ giải thoát này xé rách các sắc. Tại sao biết được? Vì trong đệ-nhị giải thoát nói: Nội không sắc tướng, quán sắc bên ngoài, để phá sắc bên trong nên nói nội không sắc tướng. Nên biết hành-giả với trong sơ giải thoát, phá lần sắc thân đến trong đệ-nhị giải thoát, đã phá được sắc trong, chỉ còn sắc ngoài. Trong đệ-tam giải thoát sắc ngoài cũng phá luôn, nên chẳng thấy sắc trong ngoài, ấy gọi là sắc không. Như trong kinh Ba-la-diên nói: “Phá rách sắc tướng, diệt dứt các dục, trong ngoài không thấy, Ta hỏi việc?” Trong bốn giải thoát nói tâm-thức trống không, như trong kinh lục-chủng nói: “Nếu Tỳ-kheo với trong năm món rất sinh nhằm lia, chỉ còn có thức”. Nên biết trong bốn-giải thoát này phá rách các sắc, đến đệ-bát giải thoát mới diệt diệt tận hết cả. Tại vì sao? Vì nếu diệt sắc thời hữu vi đều diệt, gọi là quả A-La-Hán. Dùng thứ lớp như vậy mới được diệt hết. Đấy gọi là tám giải thoát. Có người nói sơ và nhị giải thoát là bất-tịnh, mà đệ-tam giải thoát mới là tịnh. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì là giải thoát này không lấy bất-tịnh-quán mà được giải thoát; tịnh quán cũng không giải thoát, chỉ lấy không quán mới năng được giải thoát. Lại ngoại đạo năng được tịnh và bất-tịnh quán, mà chẳng được gọi giải thoát.

Hỏi: Ngoại-đạo cũng năng phá-rách sắc tướng, việc ấy thế nào?

Đáp: Ngoại đạo lấy tín-giải mà quán phá hoại sắc tướng, chẳng phải không quán vậy. Tại vì sao? Như dùng tín-giải mà quán. Thấy thân đã chết đem bỏ trong mồ mã; trùng, thú ăn thảy.

Hỏi: Ngoại đạo lia sắc được vô-sắc định, lẽ phải có vô-sắc định, lẽ phải có vô-sắc định, lẽ phải có vô-sắc giải thoát?

Đáp: Ngoại đạo tuy có vô-sắc-định, mà vì tham đắm nên chẳng gọi giải thoát. Thánh nhân nhờ vô-sắc-định năng quán bốn âm bệnh thảy tám việc, nên gọi giải thoát.

Hỏi: Ông nói diệt định là A-La-Hán. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì học nhân cũng được gọi tám giải thoát. Ông nói diệt-định gọi là lậu tận, vậy thời học nhân lẽ phải được lậu-tận?

Đáp: Trong kinh nói Diệt-tướng-chung mà chẳng phân-biệt nói là tâm diệt hay là phiền-não diệt. Như trong kinh nói hai món diệt: một diệt; hai diệt; hai thứ lớp diệt. Hai món Nê-Hoàn: một hiện-tại Nê-Hoàn; hai rốt ráo Nê-Hoàn. Cũng nói hai món yên-ôn: một yên-ôn; hai đệ nhất yên-ôn. Kẻ được yên-ôn cũng hai dạng: một được yên ôn; hai được đệ-nhất yên-ôn. Vậy nên chứng được của học nhân chẳng phải là chân-thật-diệt. Lại trong kinh nói: “Nếu Tỳ-kheo năng vào diệt-định là xong tất cả việc”. Nếu diệt-định chẳng phải A-La-Hán quả thời chẳng nên nói xong tất cả việc.

Hỏi: Học-nhân thật chẳng được tám giải thoát sao?

Đáp: Trong kinh nói học-nhân được chín thứ-đệ-định. Chẳng nói được diệt-tận. Hành-giả hoặc được diệt-tận, mà chẳng năng vào các thiên-định, gọi Huệ giải thoát; hoặc năng vào các thiên-định mà chẳng được diệt-tận, gọi là thân chứng. Nếu cả hai đều được gọi là câu giải thoát. Tại vì sao? Vì các lậu là một phần chướng; pháp thiên-định là một phần đắc. Giải thoát hai phần trên gọi câu giải thoát.

Hỏi: Trong các thứ lớp diệt; trong các giải thoát diệt, có khác chi không?

Đáp: Danh đồng mà nghĩa khác. Trong thứ lớp diệt, gọi là tâm, tâm sở diệt; trong giải thoát diệt, gọi các phiền-não diệt. Như trong kinh nói các hành thứ lớp diệt. Nghĩa là vào sơ-thiên diệt ngũ-ngôn; vào nhị-thiên diệt giác-quán; vào tam thiên diệt mừng; vào tứ-thiên diệt vui; vào không xứ diệt sắc-tướng; vào thức-xứ diệt không tướng; vào vô-sở-hữu-xứ diệt thức tướng; vào Phi-tướng phi phi-tướng-xứ diệt vô-sở-hữu-tướng; vào diệt-tận-định diệt các tướng-thọ. Các diệt trong đây lại có thắng-diệt, chỗ gọi kẻ hà-giả đối với tâm tham sân si nhàm chán nên được giải thoát.

Hỏi: Làm sao biết trong thứ lớp tâm, tâm-sở diệt; trong giải thoát các phiền-não diệt.

Đáp: Tên diệt tuy đồng mà nghĩa phải có khác. Trong thứ lớp nói diệt tướng thọ; trong giải thoát nói diệt vô-minh xúc thọ. Tại vì sao? Vì từ giả-danh sinh thọ, phá giả-danh thời diệt, Trong thứ lớp chẳng phải như vậy. Trong các kinh có sai khác như thế. Nếu nói thắng hành giả được diệt-tận thời xong tất cả việc. Phải biết vì khi chứng Nê-Hoàn các phiền-não diệt, chẳng nói tâm, tâm-sở diệt.

Hỏi: Nếu tám giải thoát là pháp diệt phiền-não thời tất cả A-La-Hán thấy đều phải được?

Đáp: Đều được. Nhưng chẳng năng “vào”. Nếu chứng được các thiên-định, thời năng vào.

Hỏi: Hành-giả nếu không thiên-định, làm sao năng được thân tâm trống không, và hết các phiền-não?

Đáp: Người này có Định mà chẳng năng chứng; lại có như điện tam-muội, nhờ tam-muội này được hết phiền-não. Như trong kinh nói: “Ta thấy Tỳ-kheo khi muốn lấy áo có phiền-não lấy rồi tức không phiền-não”. Như thế thấy. Tại vì sao? Vì tâm như điện, tam-muội như kim-cương. Chân trí năng phá phiền-não. Lại nghĩa trong đệ-tam-lực của Phật nói: Chỗ gọi các thiên, giải thoát, tam-muội, vào, cấu, tịnh sai khác như thật biết Thiên trong đây là tứ-thiên. Có người nói bốn Thiên, bốn vô-sắc-định đều gọi là thiên; giải thoát là tám giải thoát; tam-muội là trong một niệm tam-muội như điện. Vào là được sức tự-tại trong “thiên giải thoát tam-muội”. Như Ngài Xá-Lợi-Phát nói: Ta với trong bảy “Giác” năng ra và vào tự-tại. Nên biết Huệ-giải-thoát A-La-Hán sao có vị chẳng năng vào, vì có thâm tu tập mới năng tự tại vào.

Hỏi: A-La-Hán sao có vị chẳng thâm tu tập các thiên-định?

Đáp: Người này được Đạo, việc làm đã xong, vui tu xả-tâm, nên chẳng hay tập nữa. Nếu không xả-tâm, thời vào Định không khó. Như trong kinh nói: “Hành-giả khéo tu bốn pháp như-ý-túc, có thể thổi núi Tuyết khiến cho thành bột đất, hưởng chi thứ vô-minh chết ư?”. Nên biết trong tám giải thoát nói diệt hết lậu, chẳng cần vào Định mới diệt. Lại trong kinh nói: “Có minh-tính, có không tính, có vô-biên hư-không tính, có vô-biên-thức-tính, có vô-sở-hữu-tính, có Phi-tướng phi phi-tướng-tính, có diệt-tính”. Bởi tối nên có tính sáng; bởi chẳng trống không, nên có tính trống không; bởi sắc nên có tính vô-biên hư-không; bởi tính vô-biên hư-không, nên có tính vô-biên-thức; bởi vô-biên-thức nên có tính vô-sở-hữu; bởi vô-sở-hữu nên có tính Phi-tướng phi phi-tướng; bởi ngũ-âm nên có tính Diệt. Nếu chẳng năng phá hoại tướng ngũ-âm giả-danh, đây gọi là tối. Nếu năng phá hoại ngũ-âm giả-danh, thời gọi là tính sáng. Như Phật dạy một Tỳ-kheo: “Người đối với không trong các hành, phải quán các hành trong trống-không, để tự điều uốn tâm mình, như người cầm đèn trong nhà trống-không, bao vật bị thấy đều không”. Hành-giả lấy sắc chứng sắc này diệt, gọi là không tính. Ngoại đạo nhờ vô-biên hư-không-xứ được lìa sắc, cho đến Phi-tướng phi phi-tướng-xứ mà lìa vô-sở-hữu-xứ. Bởi các âm có diệt-tính ấy: Hành-giả có bao nghĩ lường, có bao tác khởi đều diệt là mẫu nhiệm. Đây gọi là bởi các âm có diệt-tính.

Hỏi: Các tính này nương Định nào mà được?

Đáp: Trong kinh nói Minh-tính cho đến Phi-tướng phi phi-tướng-tính, đều do tự hành vào Định mà được. Nghĩa là hành duyên hữu-vi đạo nên được. Tại vì sao? Vì sơ-trí duyên sắc gọi là minh-tính; tính thứ hai cũng lấy sắc, lấy rồi chia chẻ khiến không. Như thế cho đến Phi-tướng phi phi-tướng-tính, diệt tính, vào diệt-tính, tất cả pháp hữu-vi đều không nên mới được. Trong đây nói Diệt gọi là lậu-tận Nê-Hoàn.

Hỏi: Các giải thoát này ở trong bậc nào?

Đáp: Hành giả muốn phá hoại sắc: hoặc hương cõi Dục mà trụ Định, hoặc nương cõi sắc mà trụ định, thời năng được sắc không. Tất cả trong các bậc năng được tâm không.

Hỏi: Giải thoát này có mấy hữu-lậu, mấy vô-lậu?

Đáp: Không-tính là tất cả vô-lậu.

**PHẨM TÁM THẮNG-XỨ THỨ 164**

Thắng-xứ thứ nhất: Tướng nội sắc thấy ngoại sắc ít hoặc tốt hoặc xấu, đối với các sắc này thắng-tri thắng-kiến, nên gọi là thắng xứ. Thứ hai tướng nội sắc thấy ngoại sắc nhiều. Thứ ba tướng nội không có sắc, thấy ngoại sắc ít. Thứ tư tướng nội không có sắc, thấy ngoại sắc nhiều. Thứ năm tướng nội không có sắc, thấy ngoại sắc xanh, hình xanh, sáng xanh, như hoa-uru-ma-già, như sắc chân-thanh nhuộm áo ba-la-nại. Thứ sáu thấy vàng. Thứ bảy thấy đỏ, thứ tám thấy trắng. Hành giả thấy như thế thấy các sắc nhiều vô-lượng. Tại vì sao? Vì chẳng những có xanh ấy thấy bốn sắc, mà vì lược nói nên mới có tám thắng-xứ. Hành-giả nếu năng dùng không-quán phá rách các căn, bây giờ gọi là thắng xứ.

Hỏi: Ai năng được pháp này?

Đáp: Đệ-tử của Phật chứ chẳng phải ai khác.

Hỏi: Tám thắng-xứ này ở trong bực nào?

Đáp: Ở Dục, Sắc hai cõi.

Hỏi: Là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Trước là hữu lậu, mà dùng không quán phá sắc thời thành vô lậu.

Hỏi: Tại sao pháp này độc danh thắng xứ?

Đáp: Đây là chỗ tham đắm nhất của hành giả. Vậy nên Phật vì đệ-tử nói tên thắng xứ, nghĩa là chỉ cho cần phải thắng cảnh duyên này vậy.

### **PHẨM CHÍNH THỨ LỚP SƠ-THIỆN THỨ 165**

Chính thứ lớp Định: Bốn thiện, bốn vô-sắc-Định và diệt-tận-Định. Sơ-thiện: Như trong kinh nói: “Hành-giả lìa các dục các ác pháp bất-thiện hữu-giác hữu-quán. Ly-sinh hỷ-lạc vào sơ-thiện”.

Hỏi: Nên chỉ nói tướng sơ-thiện, mắc chi mà nói lìa các dục ư?

Đáp: Có người báng rằng: thế-gian không có ai năng lìa dục, vì người đòi đều ở trong ngũ-dục cả: không ai mắt chẳng thấy sắc, tai chẳng nghe tiếng, mũi chẳng ngửi thơm, lưỡi chẳng nếm vị và thân chẳng cọ xát. Nên mới nói lìa dục. Dục là dục-tâm chẳng phải là sắc thấy; như nói sắc thấy các vật chẳng gọi là dục. Tại sao biết được? Có kẻ tinh-tiến sắc thấy vẫn tồn tại, mà năng dứt dục. Lại trong kinh nói: “Sắc thấy là phần chẳng gọi là dục”. Tham tâm trong ấy mới gọi là dục. Nếu sinh tham tâm thời tìm cầu các dục. Vì nhân-duyên cầu dục, nên mới có tham giận, gây roi, giết hại các ác pháp tiếp theo. Như trong kinh Đại-nhân nói nhân ái sinh cầu thấy. Nên biết lìa tham dục gọi là lìa dục. Có người nói lìa sắc thấy năm món dục gọi là ly-dục, lìa pháp ác bất-thiện, gọi là lìa năm món che. Sơ-thiện gần với tâm tán loạn, nên gọi hữu-giác. Lại hành-giả này Định lực chưa thành, phát khởi tâm tán loạn, nên gọi hữu giác. Như trong kinh nói: “Ta tu hạnh hữu-giác hữu-quán”. Phải biết Phật nói tán tâm là giác. Giác này yếu lần nhiếp-tâm càng sâu, thời gọi là quán. Tùy Định thành-tựu, tâm chẳng tán nhiều, bây giờ nói là quán. Quán này đeo theo hành-giả đến bực Thiên trung-gian. Nếu lìa giác-quán được mừng gọi là ly-sinh-hỷ. Hỷ này trước năng được lợi ích nơi thân, nên gọi là lạc. Lìa giác-quán này ưa ở trong một cảnh duyên, đây gọi là Thiên. Thiên này bị giác-quán làm loạn nên được quả-báo thân có sai khác. Vì hạ, trung, thượng sai khác nên có; Phạm-chúng-thiên, Phạm-phu-thiên, Đại-phạm-thiên.

Hỏi: Nếu lìa giác-quán hỷ là sơ-thiện ấy, thời chẳng cần dùng năm nhánh làm sơ-thiện; như lìa giác-quán cùng đệ-nhi-thiên có sai khác chi? Lại trong kinh nói: “Sơ-thiện hữu-giác hữu-quán, khoái-lạc khác, hỷ cũng khác.” Nếu tức là lạc, thời trong bảy giác-ý chẳng nên riêng nói khoan-khoái giác-ý vậy?

Đáp: Người nói sơ-thiện không năm nhánh. Việc này chẳng phải là. Vì chẳng nói năm nhánh là tính sơ-thiện. Sơ-thiện gần địa có giác quán này, nên gọi là nhánh.

Hỏi: Nếu gần địa có pháp số là nhánh ấy. Sơ-thiện cũng gần ngũ-dục, thời nên nói là nhánh?

Đáp: Ngũ-dục chẳng gọi là gần, vì hành-giả này tâm đã lìa vậy. Lại sơ-thiện như thứ lớp chẳng khởi dục-tâm. Lại ngũ-dục chẳng trụ làm nhánh sơ-thiện. Nhánh gọi là nhân. Nhân tức là phần, như thánh-đạo phần nhóm họp đủ thấy. Giác-quán cũng như vậy. Nhân sơ-thiện nếu hành-giả Định-tâm ở trong cảnh duyên bị lui, rồi lại lấy Định Tướng, nhiếp tâm nơi cảnh, nhớ nghĩ bản tướng, đây gọi là giác-quán. Nên biết giác-quán là nhân sơ-thiện. Trong đệ-nhi-thiên Định-tâm đã thành, vậy nên chẳng lấy giác quán làm nhân; nhị-thiên cũng thứ-lớp mà chẳng sinh giác-quán. Nếu người nói sơ-thiện chung với giác-quán, cũng chẳng phải lẽ. Vì từ sơ-thiện khởi, kể đó sinh giác-quán. Vì gần giác-quán nên gọi là chung, như cùng đệ-tử chung đi, tuy chút xa nhau, nhưng cũng gọi là chung được. Lại trong bực này có sinh nhân-duyên, nên gọi có giác-quán, như người bệnh vì quý bất, tuy khi chẳng phát cũng gọi là bệnh. Người này bị quý làm nhớp nếu có cơ hội là tái phát, nên gọi là bệnh. Lại lạc-thọ tức là hỷ, chỉ nói sai khác cũng từ khoái mà riêng nói vui. Như trong kinh nói: “được thân khoái thời thọ vui”.

Hỏi: Nếu như vậy, tại sao sơ thiên nói năm nhánh”

Đáp: Tùy lúc nói năm, như bảy giác ý đấc-thời-tiết, nên gọi mười bốn giác ý. Trong đây nói có khoái thân, khoái tâm mà thật thân không khoái, chỉ có tâm vui nên thân cũng thọ vui thôi. Hỷ cũng như vậy, ban đầu đến tại thân gọi là hỷ. Mới đầu được tướng hỷ-lạc, nên gọi là lạc. Về sau chỉ gọi hỷ, vì thời gian khác vậy. Lại không riêng có pháp khoái, chỉ khi sinh hỷ thân tâm không còn nặng nề cứng cõi, mà được mềm mại điều hòa, nên gọi là khoái đầy thôi. Như bệnh tứ đại diệt bệnh tứ-đại không sinh, người ấy gọi là vui. Khoái cũng như thế. Lại trong pháp trừ diệt cũng gọi là khoái. Như trong kinh nói: “Các hành thứ lớp diệt”. Như vào sơ thiền ngôn ngữ diệt, cho đến vào tận diệt-Định các tướng thọ diệt. Vậy nên không riêng có pháp khoái. Nếu nói sơ-thiền tương ưng với giác-quán cũng không phải lẽ. Tại vì sao? Trong kinh nói: “Hành-giả nếu vào sơ thiền thời diệt ngôn-ngữ”. Giác quán là nhân ngôn ngữ, làm sao có nhân ngôn ngữ mà ngôn ngữ diệt? Nếu bảo rằng giác quán vẫn còn, chỉ ngôn ngữ diệt ấy, như người ở cõi Dạc khi tâm chẳng muốn nói năng, cũng gọi là diệt.

Hỏi: Nếu trong sơ-thiền không giác quán ấy, nên gọi là Thánh mặc nhiên. Mà Phật chỉ nói nhị thiền là Thánh-mặc-nhiên, chẳng nói sơ thiền. Nên biết sơ thiền, phải có giác quán?

Đáp: Vì gần giác quán nên chẳng nói mặc nhiên, chứ chẳng phải giác quán tương ưng nên chẳng nói vậy. Lại trong kinh nói sơ thiền còn có tiếng tăm như gai, nên chẳng nói mặc nhiên.

Hỏi: Trong sơ-thiền vì sao có tiếng tăm là gai?

Đáp: Sơ-thiền an trụ định tâm yếu như hoa trôi trên nước; đệ-nhị-thiền thấy an trụ định tâm mạnh như sơn sơn vào cây. Lại xúc thấy cũng gọi gai sơ-thiền, vì xúc năng khiến khởi động sơ-thiền vậy. Nhị thiền thấy chẳng như vậy. Tại vì sao? Vì trong sơ thiền các thức chẳng diệt, nhị-thiền thấy năm thức diệt hết.

**Thành Thật luận hết quyển 12**